

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ TUẦN MINH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ TUẦN MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TUAN MINH TECHNOLOGY EQUIPMENT DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TUAN MINH TED., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109595757

3. Ngày thành lập: 14/04/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 17 ngõ 48 Ba La , Phường Phú Lãm, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0962283555

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa	4610
3.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
4.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
5.	Bán buôn thực phẩm	4632
6.	Bán buôn đồ uống	4633
7.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
8.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn dụng cụ y tế - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
10.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651

11.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
14.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
15.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
16.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
17.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh - Bán buôn cao su - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
18.	Bán buôn tổng hợp	4690
19.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
20.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
21.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
22.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
23.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

24.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
25.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
26.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
27.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác; - Hoạt động quản lý điều hành vận tải hành khách.	4932
28.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
29.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
30.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
31.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
32.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
33.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
34.	Cho thuê xe có động cơ	7710
35.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển	7730
36.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.	8299
37.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
38.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
39.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
40.	Trồng lúa	0111
41.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112

42.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
43.	Trồng cây mía	0114
44.	Trồng cây thuốc lá, thuốc Lào	0115
45.	Trồng cây lấy sợi	0116
46.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
47.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
48.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: - Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm	0119
49.	Trồng cây ăn quả	0121
50.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
51.	Trồng cây điều	0123
52.	Trồng cây hồ tiêu	0124
53.	Trồng cây cao su	0125
54.	Trồng cây cà phê	0126
55.	Trồng cây chè	0127
56.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
57.	Trồng cây lâu năm khác	0129
58.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
59.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
60.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
61.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
62.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
63.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
64.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
65.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
66.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
67.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
68.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
69.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075

70.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; - Sản xuất các loại trà được thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); - Sản xuất men bia; - Sản xuất thực phẩm chức năng. - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: Bánh sandwich, bánh pizza tươi.	1079
71.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
72.	Sản xuất rượu vang	1102
73.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
74.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: - Sản xuất nước khoáng thiên nhiên và nước đóng chai khác; - Sản xuất đồ uống không cồn trừ bia và rượu không cồn; - Sản xuất nước có mùi vị hoặc nước ngọt không cồn, có ga hoặc không có ga: nước chanh, nước cam, côla, nước hoa quả, nước bổ dưỡng...	1104
75.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
76.	Sản xuất hoá chất cơ bản Chi tiết: Sản xuất than củi từ các loại cây, gỗ	2011
77.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
78.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
79.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp Chi tiết: - Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chung cất; - Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên;	2021
80.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
81.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
82.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chung cất; - Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên;	2029
83.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513

84.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
85.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
86.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn - Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đặc; - Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt... - Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp; - Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự; - Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện; - Sản xuất các chi tiết được làm từ dây: Dây gai, dây rào đậu, vĩ, lưới, vải...	2599
87.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750(Chính)
88.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: - Sản xuất thiết bị đóng mở cửa bằng điện; - Sản xuất chuông điện; - Sản xuất tụ điện, điện trở, và các thiết bị tương tự, máy gia tốc;	2790
89.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
90.	Sản xuất máy thông dụng khác Chi tiết: - Sản xuất tủ lạnh hoặc thiết bị làm lạnh công nghiệp. - Sản xuất máy điều hoà nhiệt độ, dùng cho cả mô tô; - Sản xuất quạt không dùng cho gia đình; - Sản xuất máy lọc và máy tinh chế, máy móc cho hoá lỏng; - Sản xuất máy đóng gói như: Làm đầy, đóng, dán, đóng bao và máy dán nhãn... - Sản xuất máy làm sạch hoặc sấy khô chai cho sản xuất đồ uống; - Sản xuất thiết bị chưng cất và tinh cất cho tinh chế dầu, hoá chất công nghiệp, công nghiệp đồ uống.	2819
91.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
92.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
93.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
94.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
95.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
96.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
97.	Sửa chữa thiết bị điện	3314

98.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
99.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
100.	Sản xuất điện Chi tiết: - Điện gió - Điện mặt trời - Nhiệt điện than	3511
101.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
102.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
103.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
104.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
105.	Thu gom rác thải độc hại	3812
106.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
107.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
108.	Tái chế phế liệu	3830
109.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: - Khử độc các vùng đất và nước ngầm tại nơi bị ô nhiễm, ở vị trí hiện tại hoặc vị trí cũ, thông qua sử dụng các phương pháp cơ học, hoá học hoặc sinh học; - Khử độc các nhà máy công nghiệp hoặc các khu công nghiệp.	3900
110.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 500.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÃ TRỌNG HÙNG	Số 12, đường Lý Tự Trọng, Phường Phúc Thành, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	164027734	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000		
2	HOÀNG THỊ HƯỜNG	Số 12, đường Lý Tự Trọng, Phường Phúc Thành, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	80,000	037181003795	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	80,000		

3	LÊ THANH TÙNG	Thôn Đoàn Kết, Xã Quang Bình, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	034093007568
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HOÀNG THỊ HƯỜNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/04/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 037181003795

Ngày cấp: 03/04/2020

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 12, đường Lý Tự Trọng, Phường Phúc Thành, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 12, đường Lý Tự Trọng, Phường Phúc Thành, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội